

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 8395/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 07 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 06/10/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		589	Tăng (11,6%)	53.177
Đang điều trị (14.853)	<i>Tầng 3</i>	13	Tăng (333,3%)	136
	<i>Tầng 2</i>	368	Giảm (10,0%)	5.376
	<i>Tầng 1</i>	240	Giảm (39,8%)	5.423
	<i>Khác</i>			3.918
Khỏi bệnh*		729	Giảm(11,4%)	37.834
Tử vong*		02	Giảm (60,0%)	490

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	47.483	Tăng (99,5%)	3.149.667
Dương tính	1.959 (589 ca mới, 1.370 theo dõi điều trị)	Tăng (35,4%)	122.439
Âm tính	45.048	Tăng (104,6%)	3.006.512

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 04 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Stry Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa, PKĐK Ái Nghĩa Nhơn Trạch..

- Trong ngày có 1.447/23.797 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 4,1%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	229	8.705	25.531	34.236
Cách ly tại nhà	883	15.265	56.203	71.468
Theo dõi sức khỏe	222	7.325	21.788	29.113

Trong ngày: 177 F1 (cộng dồn 22.834), 73 F2 (cộng dồn 32.273)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.700 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 27 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.673 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 110 ca, lũy kế 2.296 ca F0/154.699 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T.

- DN có F0 trong ngày: 04 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 83/1.176 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:

+ Công ty TNHH Bình Tiên Biên Hòa (BITT'S) – KCN Amata: 06 ca F0. Công ty thực hiện 01 Cung đường 02 Địa điểm; Công ty mới bổ sung vào làm tại Nhà máy 130 người, trước đó đã ở vùng đệm 03 ngày tại nhà máy cũ, phường Tam Hiệp, test đủ 02 lần trước trước khi vào làm (ngày 01/10/2021), ngày 05/10/2021 test định kỳ Công ty phát hiện ca nghi nhiễm, ngày 06/10/2021 có kết quả PCR 6 ca F0. Công ty nghi ngờ nguồn lây từ bổ sung lao động nêu trên.

+ Cty TNHH Muto Việt Nam – KCN Biên Hòa II: 06 ca F0. Công ty thực hiện 3T từ ngày 22/7/2021; Công ty thực hiện test lần đầu và định kỳ suốt thời gian qua theo đúng quy định, ngày 29/9/2021 Công ty test 100% công nhân xưởng khuôn phát hiện có 02 ca nghi nhiễm, ngày 30/9/2021 mời Bệnh viện Đồng Nai vào test nhanh toàn bộ công nhân nhà máy, ngày 04/10/2021 test PCR toàn bộ công nhân nhà máy, ngày 06/10/2021 có kết 06 F0. Công ty tiêm vaccine cho công nhân tại Trường Cao đẳng Sonadzi vào đợt nửa cuối tháng 9/2021.

+ Cty TNHH Nestle Việt Nam-Nhà máy Nestle Đồng Nai – KCN Biên Hòa II: 97 ca F0 chuyển từ F1.

+ Cty HHCN Kiến Hằng – KCN Biên Hòa II: 01 ca F0 chuyển từ F1..

- Điều trị khỏi: 1.565/2.296 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 68,21%
- Đang điều trị: 730 ca, chiếm 31,79%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 53.149 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 729 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 02 ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 116 ca là phụ nữ đang mang thai, 2.817 ca dưới 18 tuổi, 404 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 29 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

+ 28 ca thở máy xâm lấn

+ 01 ECMO

- 318 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);

- 3.015 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 7.491 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trồng 6.242 giường).

- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trồng 3.829 giường)

- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trồng 255 giường)

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;

- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;

- 589 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 06 ca sàng lọc trong cộng đồng, 207 ca trong khu phong tỏa và 376 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 06 ca trong cộng đồng: Cẩm Mỹ (01), Định Quán (01), Long Thành (01), Trảng Bom (01), Vĩnh Cửu (02). Cụ thể:

- 01 ca ngụ tại ấp 7, xã Xuân Tây, Cẩm Mỹ. Đang điều tra dịch tễ
- 01 ca ngụ tại ấp 3, xã Phú Lợi, Định Quán. Phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc tại BVĐK Định Quán. Chưa rõ nguồn lây

- 01 ca ngụ tại ấp 10, xã Bình Sơn, Long Thành. Nghề nghiệp tài xế lái xe đi giao hàng nhiều nơi. Ngày 5/10 test nhanh dương tính, qua điều tra tiếp tục ghi nhận 02 trường hợp tiếp xúc dương tính. Chưa rõ nguồn lây.
- 01 ca ngụ tại ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến, Trảng Bom. Nghề nghiệp công nhân công ty Việt Vinh 3. Hàng ngày ở nhà không tiếp xúc ai. Ngày đi chợ gần nhất là 28/9, thường mua hàng online nhận tại chốt kiểm soát ấp. Ngày 05/10 test nhanh trước khi vào làm tại công ty có kết quả dương tính với SARS-CoV-2. Chưa rõ nguồn lây.
- 02 ca ngụ xã Tại Thiện Tân, Vĩnh Cửu. Đang điều tra dịch tễ.

+ 207 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại các phường Tam Hiệp (64), Tân Hòa (49), Long Bình (10) – Biên Hòa; các xã Bắc Sơn (12), Hố Nai 3 (12), TT Trảng Bom (12) – Trảng Bom.

- Hiện còn 89 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR tại Vĩnh Cửu (64), Trảng Bom (23), Định Quán (02); các phòng xét nghiệm ghi nhận 476 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Biên Hòa 122 (45 trường hợp test nhanh dương tính), Nhơn Trạch 61, Trảng Bom 26 (05 trường hợp test nhanh dương tính), Tân Phú 11, Định Quán 05, Xuân Lộc 02 trường hợp về từ vùng dịch, Cẩm Mỹ 02;

- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 06 tàu, 103 người
- Cộng dồn: 1.158 tàu, 21.634 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Cơ bản hoàn thành tiêm chủng Đợt 1-8, đang triển khai Đợt 9, 10, 11, 12, 13

- **Tổng số tiêm trong ngày: 163.347 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 127.444 người; Mũi 2: 35.903 người.

- Số liều vắc xin còn lại: 1.078.286 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **2.395.537 liều** vắc xin COVID-19 cho **2.158.621 người** (chiếm tỉ lệ **95,77%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có **236.916 người** đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ **10,51%**).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19;

- UBND tỉnh ban hành Công văn số 11959/UBND-KGVX ngày 30/9/2021 về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp để từng bước phục hồi hoạt động KTXH đảm bảo công tác phòng, chống dịch trong tình hình mới;

- Triển khai Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới **bắt đầu lúc 0h00 ngày 20/9/2021**;

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 06 ca nhiễm tạo thành các ổ dịch nhỏ lẻ rải rác trong cộng đồng: Cẩm Mỹ (01), Định Quán (01), Long Thành (01), Trảng Bom (01), Vĩnh Cửu (02).

- Ghi nhận 207 ca trong khu phong tỏa nhiều nhất tại các phường Tam Hiệp (64), Tân Hòa (49), Long Bình (10) – Biên Hòa; các xã Bắc Sơn (12), Hố Nai 3 (12), TT Trảng Bom (12) – Trảng Bom.

- Tỷ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 95,77%, mũi 2 là 10,51%.

IV. Kiến nghị

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm ít nhất 1 liều vắc xin.

- Các địa phương nguy cơ cao, rất cao tiếp tục xây dựng triển khai xét nghiệm thần tốc bóc tách triệt để nguồn lây tại các điểm nguy cơ đã được

khoanh vùng sau Kế hoạch xét nghiệm thần tốc 11456/UBND-KGVX ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh.

- Theo dõi sát tình hình dịch bệnh trên địa bàn, thường xuyên tổ chức đánh giá chính xác mức độ nguy cơ để thu hẹp tối đa vùng phong tỏa, triển khai áp dụng các biện pháp phòng chống dịch phù hợp, kịp thời.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.

- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện Công văn số 11959/UBND-KGVX ngày 30/9/2021 về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp để từng bước phục hồi hoạt động KTXH đảm bảo công tác phòng, chống dịch trong tình hình mới và Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

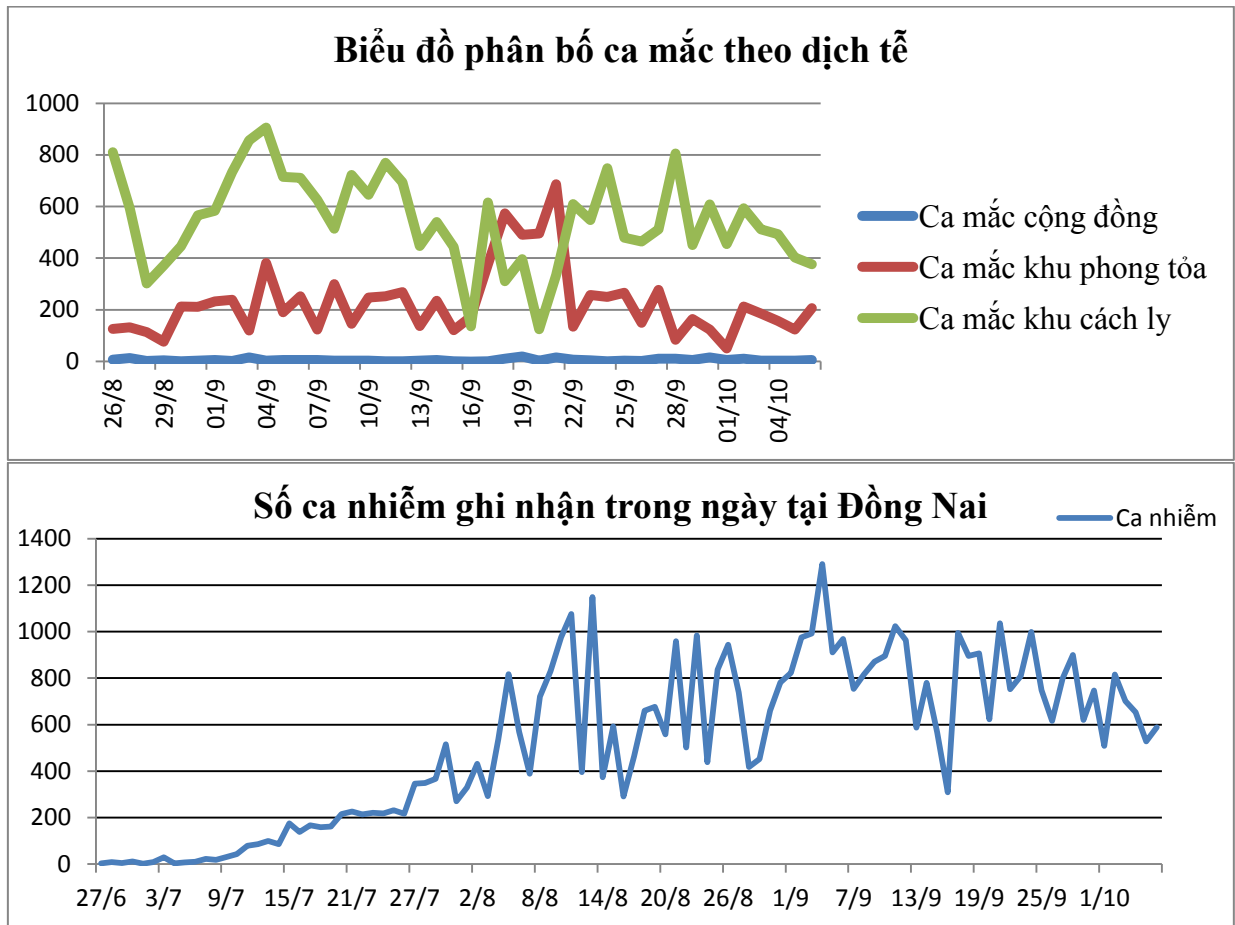
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	390	-6,0%	0	232	158	22.627
2	Nhon Trạch	70	14,8%	0	70	0	12.841
3	Vĩnh Cửu	33	200,0%	2	27	4	9.876
4	Trảng Bom	65	3150,0%	1	22	42	4.601
5	Long Thành	16	220,0%	1	15	0	1.066
6	Thống Nhất	3	-25,0%	0	1	2	553
7	Long Khánh	0	-	0	0	0	337
8	Xuân Lộc	1	-	0	1	0	317
9	Định Quán	2	-	1	1	0	256
10	Cẩm Mỹ	2	-83,3%	1	1	0	248
11	Tân Phú	7	-61,1%	0	6	1	90
12	Ngoại tỉnh, khác	0	-	0	0	0	333
Tổng cộng		589	11,6%	6	376	207	53.145



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)							
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng			Số ca Chưa rõ nguồn lây
						Tổng	Trong đó		
							Cộng Đồng	Khu nhà trọ	
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (16)									
1	Biên Hòa	212	0	128	84	0			
1.1	Bửu Hòa	4			4				
1.2	Hố Nai	4		1	3				
1.3	Long Bình	26		16	10				
1.4	Long Bình Tân	9		9					
1.5	Quang Vinh	33		24	9				
1.6	Tam Phước	37		35	2				
1.7	Tân Hòa	76		27	49				
1.8	Tân Vạn	10		10					
1.9	Trảng Dài	13		6	7				
2	Nhơn Trạch	57	0	57	0	0			
2.1	Hiệp Phước	57		57					
2.2	Phước Thiện	0							
3	Tân Phú	3	0	2	1	0	0		
3.1	Phú Lâm	3		2	1				
4	Trảng Bom	37	0	19	18	0			
4.1	Hố Nai 3	27		15	12				
4.2	Sông Trầu	10		4	6				
5	Vĩnh Cửu	32	2	26	4	0			
5.1	Thanh Phú	25		25					

5.2	Thiện Tân	7	2	1	4				
NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (19)									
1	Biên Hòa	129	0	63	66	0			
1.1	An Bình	40		38	2				
1.2	Hóa An	2		2					
1.3	Tam Hiệp	76		12	64				
1.4	Tam Hòa	1		1					
1.5	Tân Biên	10		10					
1.6	Tân Mai	0							
2	Long Thành	5	0	5	0	0			
2.1	An Phước	1		1					
2.2	Tam An	3		3					
2.3	TT Long Thành	1		1					
3	Nhơn Trạch	5	0	5	0	0			
3.1	Đại Phước	0							
3.2	Phú Hội	5		5					
4	Tân Phú								
4.1	Phú Thanh								
5	Trảng Bom	13	0	1	12	0			
5.1	Bắc Sơn	12			12				
5.2	Bình Minh	1		1					
5.3	Thanh Bình	0							
6	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0			
6.1	Phú Lý	0							
6.2	TT Vĩnh An	0							
6.3	Vĩnh Tân	0							
7	Xuân Lộc	1	0	1	0	0			
7.1	Xuân Hòa	1		1					
NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (21)									

1	Biên Hòa	41	0	33	8	0			
1.1	<i>Bình Đa</i>	16		12	4				
1.2	<i>Bửu Long</i>	4		4					
1.3	<i>Hiệp Hòa</i>	0							
1.4	<i>Phước Tân</i>	14		11	3				
1.5	<i>Quyết Thắng</i>	0							
1.6	<i>Tân Hiệp</i>	4		4					
1.7	<i>Tân Phong</i>	2		1	1				
1.8	<i>Thống Nhất</i>	1		1					
1.9	<i>Trung Dũng</i>	0							
2	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0			
2.1	<i>Xuân Tây</i>	0							
3	Long Khánh	0	0	0	0	0			
3.1	<i>Xuân Tân</i>	0							
4	Long Thành	5	1	4	0	0			
4.1	<i>Bình Sơn</i>	3	1	2					
4.2	<i>Long An</i>	0							
4.3	<i>Phước Thái</i>	2		2					
5	Nhơn Trạch	0	0	0	0	0			
5.1	<i>Phú Đông</i>	0							
5.2	<i>Phú Hữu</i>	0							
6	Thống Nhất	0	0	0	0	0			
6.1	<i>TT Dầu Giây</i>	0							
7	Trảng Bom	13	0	1	12	0			
7.1	<i>Giang Điền</i>	0							
7.2	<i>Trung Hòa</i>	0							
7.3	<i>TT Trảng Bom</i>	13		1	12				
8	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0			
8.1	<i>Tân An</i>	0							

BÌNH THƯỜNG MỚI (VÙNG XANH) (114)									
1	Biên Hòa (06)								
1.1	<i>An Hòa</i>			6					
2	Cẩm Mỹ (12)								
3	Định Quán (14)								
4	Long Khánh (14)								
5	Long Thành (08)								
5.1	<i>Lộc An</i>			3					
5.2	<i>Long An</i>			1					
5.3	<i>Tân Hiệp</i>			1					
6	Nhơn Trạch (06)								
6.1	<i>Phú Thạnh</i>			6					
6.2	<i>Vĩnh Thanh</i>			2					
7	Tân Phú (16)								
7.1	<i>Thanh Sơn</i>			4					
8	Thống Nhất (09)								
8.1	<i>Bàu Hàm 2</i>			1					
8.2	<i>Gia Kiệm</i>				2				
9	Trảng Bom (09)								
9.1	<i>Quảng Tiến</i>		1						
9.2	<i>Tân Hòa</i>			1					
10	Vĩnh Cửu (06)								
11	Xuân Lộc (14)								

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 ghi nhận trong ngày

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	Đ.T.T		1949	Khu cách ly Nhơn Trạch	Giồng Ông Đông, xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch	19/08/2021	Tử vong do suy hô hấp cấp nặng/SAR-COV-2.
02	T.T.N.B		1989	BVTN	Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch	05/10/2021	Sốc nhiễm khuẩn - Nhiễm khuẩn huyết - Viêm phổi mức độ nguy kịch do SAR -Co -2 biến chứng ARDS – Suy tim – Tăng áp động mạch phổi thứ phát – HIT (+).

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Thực nhận	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.271	254	8.152	8	28.980	28.980	122,58%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	21.000	118,66%
Đợt 4	342.728	298.405	44.323	1.901	8	316.160	316.160	108,40%
Đợt 5	173.050	146.522	26.528	2.188	0	157.000	157.000	110,22%
Đợt 6	279.507	276.914	2.593	9	0	265.210	265.210	105,39%
Đợt 7	675.275	673.995	1.280	6.781	0	687.458	687.458	98,23%
Đợt 8	315.311	301.500	13.811	428	0	307.250	307.250	102,62%
Đợt 9	15.933	15.288	645	0	0	512.500	412.500	3,11%
Đợt 10	104.884	13.565	91.319	96	0	170.760	170.760	61,42%
Đợt 11	188.292	188.145	147	526	0	207.340	207.340	90,81%
Đợt 12	214.838	180.397	34.441	117	0	500.000	500.000	42,97%
Đợt 13	0					299.450	299.450	0,00%
Khác	4.900	2.450	2.450	0	0	4.900	4.900	100,00%
Tổng cộng	2.395.537	2.158.621	236.916	29.153	24	3.495.458	3.395.458	68,53%

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)	Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	1	0	2	1	18		156		4		12	2							12
2	BVTN/TTHSTC	400	200	9	4	4	1	90	164	210	44	18	6	16	28			2	2		30	110
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	2	0	0	0	15	56	36	30	2	0	1	12	0	0	0	1	7	3	25
4	BVĐKKVLT	100	100	1	0	0	0	11	69	34	0	0	0	0	11	0	0	0	0	11	0	89
5	BV Nhi ĐN	20	10							1												
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Đồng Nai 2	10	2	0	0	1	0	2	120	0	276	0	0	0	2	2	0	0	0	0	2	8
Tổng cộng (tầng 3)		730	403	13	4	7	2	136	410	437	350	24	6	29	55	2	0	2	3	18	35	255
TẦNG 2																						
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	9	23	0	0	121	23	2	1296	2	0	0	1	56	64	4	35	81	1	164
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	10	0	1	0	309	92	0	1223	0	0	0	6	150	70	8	75	156	17	50
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	33	2	0	0	466	69	0	2012	0	0	0	18	25	423	14	119	441	100	34
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	0	56	0	0	297	62	0	1560	0	0	0	3	47	250	0	84	279	4	48
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	0	0	0	0	191	41	0	1083	0	0	0	5	10	176	2	58	190	1	
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	96	66	3	0	556	109	0	4555	0	0	0	13	139	404	9	119	460	14	454
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	44	157	2	0	630	129	1	3359	0	0	0	12	256	362	10	200		40	70
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	9	150	1	0	617	40	0	1765	0	0	0	18	169	430	5	143	462	12	18
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	48	31	0	0	536	23	0	1725	0	0	0	4	293	239	4	160	500	1	126
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	35	77	2	0	643	67	0	2421	0	0	0	29	234	439	4	147	478	18	163

11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	62	0	0	224	7	0	147	0	0	0	2	75	149	2	39	170	2	
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	2	2	0	0	99	23	0	544	0	0	0	2	24	75	0	0	94	0	25
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	5	8	0	0	48	105	14	260	0	0	0	30	38	5	2	0	7	20	26
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	1	6	0	0	48							0	34	14		27	21	0	0
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	5	0	0	21	0	0	171	0	0	0	2	15	4	0	2	16	3	129
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	5	0	0	0	7	5	0	19	1	0	0	1	2	6	0	0	2	1	23
17	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	2	0	5	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0		
18	Bệnh viện Đồng Nai 2	60	102	7	6	3	0	102	120	0	276	0	0	0	2	60	42	3	10	42	47	0
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	61	3	3		81	126	0	123	1			0	59	21	0	2	10	0	0
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	2	0	0	0	54	27	1	136	0	0	0	0	34	20	1	13	37	3	11
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	1	0	1	0	13	17	0	41	0	0	0	5	12	1	0	1	4	3	4
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200			0	0	311	0	0	0	0	0	0	5	53						
Tổng cộng (tầng 2)		10547	9194	368	654	16	0	5376	1085	23	22716	4	0	0	158	1787	3194	68	1234	3450	287	1345
TẦNG 1																						
1	Biên Hòa	4459	3437	138	364	16	0	2751	1000	12	6150	0	0	0	12	716	2165	13	840	2575	55	808
2	Long Khánh	400	260	0	0	1	0	5	39	0	89	0	0	0	0	3	2	0	0	5	0	255
3	Vĩnh Cửu	3393	3343	29	41	1	0	510	1416	3	6188	0	0	0	0	46	464	5	138	388	5	2532
4	Định Quán	100	89	3	0	0	0	5	42	0	78	0	0	0	0	4	1	1	0	2	0	
5	Tân Phú		60	10	0	18	0	32	18		4	0	0	0	0	0	32	0	9	23	0	0
6	Trảng Bom	876	876	36	44	11	0	417	1338	1	2200	0	0	0	0	26	391	3	141	271	2	346
7	Thống Nhất	130	140	2	2	0	0	7	84	0	13	0	0	0	0	1	6	0	0	7	0	130
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	6	1	2	0	59	4	0	32	0	0	0	0	30	29	0	13	44	0	141
10	Long Thành	250	250	16	36	0	0	113	40	0	778	0	0	0	0	0	113	0	33	77	3	137
11	Nhơn Trạch	3230	3010	0	33	90	0	1524	0	14	3517	0	0	0	30	400	1094	24	406	1101	17	1486
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		13338	11665	240	521	139	0	5423	3981	30	19049	0	0	0	42	1226	4297	46	1580	4493	82	6242
TỔNG TẦNG (3+2+1)		24615	21262	621	1179	162	2	10935	5476	490	42115	28	6	29	255	3015	7491	116	2817	7961	404	7842